

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP
PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG
KIEN LONG COMMERCIAL
JOINT STOCK BANK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Rạch Giá, ngày 22 tháng 07 năm 2026
Rach Gia, day 22/month 07 year 2026

BÁO CÁO
Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/Reporting period from 01 January 2026 to 30 June 2026:

TT No	Mã trái phiếu Bond code	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	KLB124009	7 năm/ 7.years	21/12/2024	21/12/2031	800.000.000.000	0	0	0	800.000.000.000	0

TT No	Mã trái phiếu Bond code	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
2	KLB125015	7 năm/ 7 years	29/04/2025	29/04/2032	800.000.000.000	0	0	56.800.000.000	800.000.000.000	0
3	KLB125016	7 năm/ 7 years	31/07/2025	31/07/2032	900.000.000.000	0	0	0	900.000.000.000	0
4	KLB125031	7 năm/ 7 years	10/12/2025	10/12/2032	1.000.000.000.000	0	0	0	1.000.000.000.000	0
5	KLB126021	7 năm/ 7 years	28/04/2026	28/04/2033	0	0	0	0	222.532.400.000	0

II Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026) Reporting period from 01 January 2026 to 30 June 2026

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value (VND)	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value (VND)	Tỷ trọng Percentage
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	3.499.720.000.000	99,99%	220.772.900.000	99,21%	3.720.492.900.000	99,95%
1. Nhà đầu tư tổ chức/Institutional investors	164.847.200.000	4,71%	-25.646.700.000	-11,52%	139.200.500.000	3,74%
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư/Investment funds	-	-	-	-	-	-

MC

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value (VND)	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value (VND)	Tỷ trọng Percentage
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	-	-	-	-	-	-
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>	50.000.000.000	1,43%	-	-	50.000.000.000	1,34%
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	114.847.200.000	3,28%	-25.646.700.000	-11,52%	89.200.500.000	2,40%
2. Nhà đầu tư cá nhân / <i>Individual investors</i>	3.334.872.800.000	95,28%	246.419.600.000	110,73%	3.581.292.400.000	96,21%
II. Nhà đầu tư nước ngoài/<i>Foreign investors</i>	280.000.000	0,01%	1.759.500.000	0,79%	2.039.500.000	0,05%
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>	280.000.000	0,01%	1.759.500.000	0,79%	2.039.500.000	0,05%
a) Tổ chức tín dụng/ <i>Credit institutions</i>	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>	-	-	-	-	-	-
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	280.000.000	0,01%	1.759.500.000	0,79%	2.039.500.000	0,05%
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>	-	-	-	-	-	-
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	-	-	-	-	-	-
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	-	-	-	-	-	-
Tổng/Total	3.500.000.000.000	100,00%	222.532.400.000	100,00%	3.722.532.400.000	100,00%

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.

Nơi nhận:

Recipients:

- Lưu: VT;
- Archived: VT.

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU/
CONFIRMATION BY THE LEGAL REPRESENTATIVE OF THE BOND ISSUER

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Ngọc Minh

